

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Báo cáo của Hội đồng quản trị
và
Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 17

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007675, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 8 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Số 4103007675 (thay đổi lần 1)	18 tháng 10 năm 2008
Số 4103007675 (thay đổi lần 2)	16 tháng 12 năm 2008

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng bằng kim loại.

Công ty có trụ sở chính tại 25 Khu phố Mỹ Hoàng, đường Nguyễn Văn Linh, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà máy tại lô KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm	1.430.879	196.281
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	1.627.160	196.281

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Nghiệp	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Trần Ngọc Hải	Thành viên
Ông Lương Tuấn Minh	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 ban hành bởi Bộ Tài Chính, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của quý IV năm 2008 và cho nguyên năm 2009. Sự kiện này đã được xem xét trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp như được trình bày trong thuyết minh số 13.

Ngoại trừ sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



Trần Tuấn Nghiệp
Chủ tịch hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 03 năm 2009

Số tham chiếu: 60752742 / 13560278

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Minh Hữu Liên**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 4 đến trang 17. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 16 tháng 2 năm 2008 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến kiểm toán


Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.


Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.




Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Maria Cristina M. Calimbias
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: N.1073/KTV


Đặng Hồng Tân
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0489/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.303.001	7.636.835
110	I. Tiền	4	2.686.923	799.098
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	6.775.000	3.373.374
131	1. Phải thu khách hàng		6.025.916	3.281.312
132	2. Trả trước cho người bán		797.551	92.062
139	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(48.467)	-
140	III. Hàng tồn kho	6	2.840.512	2.873.677
141	1. Hàng tồn kho		2.840.512	2.873.677
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.000.566	590.686
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		420.507	464.294
152	2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ		425.059	113.652
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		155.000	12.740
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.292.302	3.869.890
220	I. Tài sản cố định		3.843.574	3.760.371
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	3.843.574	3.725.124
222	Nguyên giá		4.646.185	3.886.917
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(802.611)	(161.793)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	35.247
260	II. Tài sản dài hạn khác		1.448.728	109.519
261	1. Chi phí phân bổ dài hạn		1.299.958	109.519
268	2. Tài sản dài hạn khác		148.770	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.595.303	11.506.725



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.968.143	4.810.444
310	I. Nợ ngắn hạn		6.889.211	4.810.444
311	1. Vay ngắn hạn	8	5.500.000	-
312	2. Phải trả người bán		1.166.669	4.576.512
313	3. Người mua trả tiền trước		-	54.888
314	4. Thuế phải nộp Nhà nước	13	111.542	171.716
315	5. Phải trả người lao động		-	6.996
316	6. Chi phí phải trả		111.000	-
319	7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác		-	332
330	II. Nợ dài hạn		78.932	-
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		78.932	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.627.160	6.696.281
410	I. Vốn chủ sở hữu	9	11.627.160	6.696.281
411	1. Vốn cổ phần		10.000.000	6.500.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.627.160	196.281
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.595.303	11.506.725

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ Đô la Mỹ (US\$)	34.648	1.184


Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám Đốc

Ngày 27 Tháng 03 Năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	35.526.719	7.402.735
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.526.719	7.402.735
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11, 12	(27.387.009)	(6.509.228)
20	5. Lợi nhuận gộp		8.139.710	893.507
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		380.962	5.822
22	7. Chi phí tài chính		(262.838)	(4.062)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(216.000)	(4.062)
24	8. Chi phí bán hàng	12	(2.465.969)	(456.584)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12	(3.439.236)	(430.450)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.352.629	8.233
31	11. Thu nhập khác		2.764	359.764
32	12. Chi phí khác		(266)	-
40	13. Lợi nhuận khác		2.498	359.764
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.355.127	367.997
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	13	(924.248)	(171.716)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.430.879	196.281



Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám Đốc

Ngày 27 Tháng 3 Năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		2.355.127	367.997
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	7	640.818	161.792
03	Các khoản dự phòng		127.399	-
06	Chi phí lãi vay		216.000	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
09	Tăng các khoản phải thu		(4.052.530)	(3.499.766)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		33.165	(2.873.678)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(3.343.812)	4.648.432
12	Tăng chi phí trả trước		(1.146.652)	(573.814)
13	Tiền lãi vay đã trả		(198.000)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(984.422)	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(9.700)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(6.352.907)	(1.778.737)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(759.268)	(3.922.165)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(759.268)	(3.922.165)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		3.500.000	6.500.000
33	Tiền vay đã nhận		5.500.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		9.000.000	6.500.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.887.825	799.098
60	Tiền đầu năm		799.098	-
70	Tiền cuối năm		2.686.923	799.098

48
NG
TIỀN
&
N
H.C



Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng



TRẦN TUẤN MINH
Tổng Giám Đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (“Công ty”) là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007675, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 8 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
3007675 (thay đổi lần 1)	18 tháng 10 năm 2008
3007675 (thay đổi lần 2)	16 tháng 12 năm 2008

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng bằng kim loại.

Công ty có trụ sở chính tại 25 Khu phố Mỹ Hoàng, đường Nguyễn Văn Linh, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà máy tại lô KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 107 (2007: 95).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm trước.

3.2 Tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

NG H. L.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	42.013	23.684
Tiền gửi ngân hàng	<u>2.644.910</u>	<u>775.414</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.686.923</u>	<u>799.098</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	6.025.916	3.281.312
Ứng trước cho nhà cung cấp	797.551	92.062
Trong đó:		
Ứng trước cho Công ty mẹ (Thuyết minh số 14)	747.237	-
Ứng trước cho nhà cung cấp	50.314	92.062
Dự phòng phải thu khó đòi	(48.467)	-
TỔNG CỘNG	6.775.000	3.373.374

6. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	214.992	-
Thành phẩm	758.811	479.047
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	426.743	161.370
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.420.141	2.021.177
Công cụ, dụng cụ	19.825	70.413
Hàng gửi đi bán	-	141.670
TỔNG CỘNG	2.840.512	2.873.677

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VNĐ			
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	3.408.696	375.670	102.551	3.886.917
Tăng trong năm	704.000	-	55.268	759.268
Số dư cuối năm	4.112.696	375.670	157.819	4.646.185
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm	129.527	20.871	11.395	161.793
Khấu hao trong năm	538.443	62.612	39.763	640.818
Số dư cuối năm	667.970	83.483	51.158	802.611
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	3.279.169	354.799	91.156	3.725.124
Số dư cuối năm	3.444.726	292.187	106.761	3.843.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	5.500.000	-
Trong đó:		
Vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần		
Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	4.000.000	-
Vay từ ông Trần Xảo Cơ	1.500.000	-
TỔNG CỘNG	5.500.000	-

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2008, Công ty đã ký Hợp đồng số 1401-LAV-200806034 với Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam cho khoản vay tín chấp trị giá 4.000.000 ngàn VNĐ với lãi suất 1,35% một tháng. Khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty và được hoàn trả trong vòng 4 tháng kể từ ngày rút vốn.

Vào ngày 15 tháng 9 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng số 02/HDV-2008 với ông Trần Xảo Cơ cho khoản vay tín chấp trị giá 1.000.000 ngàn VNĐ với lãi suất 1,2% một tháng. Khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty và được hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày rút vốn.

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

9.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ		
	Vốn góp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:			
Số dư đầu năm	-	-	-
Góp vốn	6.500.000	-	6.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	196.281	196.281
Số dư cuối năm	6.500.000	196.281	6.696.281
Năm nay:			
Số dư đầu năm	6.500.000	196.281	6.696.281
Tăng vốn	3.500.000	-	3.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.430.879	1.430.879
Số dư cuối năm	10.000.000	1.627.160	11.627.160

Cổ phiếu của Công ty được phát hành với mệnh giá 10.000 ngàn đồng một cổ phiếu.

Công ty đã phát hành thêm 350.000 cổ phiếu vào ngày 27 tháng 12 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

9.2. Vốn cổ phần

	<i>Số cổ phần</i>	<i>Mệnh giá Ngàn VNĐ</i>
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2007	-	-
Phát hành cổ phiếu	650.000	6.500.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007	650.000	6.500.000
Cổ phiếu phát hành mới	350.000	3.500.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.000.000	10.000.000

9.3. Chi tiết vốn cổ phần

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	6.100.000	4.000.000
Ông La Thọ Vãn	600.000	600.000
Ông Lê Anh Hải	500.000	500.000
Ông Lương Tuấn Minh	400.000	400.000
Ông La Thời Tâm	400.000	400.000
Ông Trần Ngọc Hải	400.000	400.000
Ông Trần Tuấn Minh	200.000	200.000
Các cổ đông khác (122 người)	1.400.000	-
TỔNG CỘNG	10.000.000	6.500.000

10. DOANH THU BÁN HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán thành phẩm	35.469.422	7.352.700
Doanh thu bán hàng hóa	57.297	50.035
TỔNG CỘNG	35.526.719	7.402.735

11. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	27.338.529	6.448.048
Giá vốn của hàng hóa đã bán	48.480	61.180
TỔNG CỘNG	27.387.009	6.509.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.765.727	5.965.558
Chi phí nhân công	3.562.424	804.332
Chi phí phát triển thị trường	1.179.882	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 7)	640.818	191.792
Chi phí khác	6.143.363	434,580
TỔNG CỘNG	33,292,214	7,396,262

13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 28% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn về giảm và giãn thuế TNDN, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải trả cho quý IV năm 2008 và cho năm 2009. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty.

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.355.127	367.997
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán		
Chi phí không hợp lệ	1.213.398	245.274
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	3.568.525	613.271
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	999.187	171.716
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	(74.939)	-
Chi phí thuế TNDN	924,248	171,716
Thuế TNDN phải trả đầu năm	171.716	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(984.422)	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	111.542	171.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	15.098.904	
		Thuê nhà xưởng	1.289.876	
		Mua tài sản	300.000	
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ	Vay	1.500.000	

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>	
			<i>Giá trị</i>	
<i>Ứng trước cho người bán</i>				
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	747.237	
<i>Vay (Thuyết minh số 8)</i>				
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty mẹ	Vay	1.500.000	

15. CÁC CAM KẾT

Công ty hiện đang thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Đến 1 năm	1.152.000	1.152.000
Từ 1 - 5 năm	3.072.000	4.224.000
TỔNG CỘNG	4.224.000	5.376.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 ban hành bởi Bộ Tài Chính, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của quý IV năm 2008 và cho nguyên năm 2009. Sự kiện này đã được xem xét trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp như được trình bày trong thuyết minh số 13.

Ngoại trừ sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính này.



Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2009